

Bắc Giang, ngày 28 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ Điều 32, 33, 34 và Điều 35 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố B và Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đề ngày 29/7/2024 của Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố B, Bắc Giang II.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp kinh doanh thương mại của các bên tham gia hòa giải sau đây:

1. *Người khởi kiện*: Ngân hàng N (A)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Trụ sở chính: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hồng T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố B.

(*Ủy quyền theo Quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N*)

Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Phan Đình H - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố B.

(*Giấy uỷ quyền số: 423/NHNo-BGIITP ngày 15/8/2024 của Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố B*)

Địa chỉ: Số G, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. *Người bị kiện*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1; người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Ngọc H1 - Chức vụ Giám đốc; địa chỉ trụ sở chính: Xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 10 tháng 10 năm 2024 có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 10 tháng 10 năm 2024, cụ thể như sau:

1.1. Về nghĩa vụ thanh toán:

Công ty TNHH T1 có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố B Bắc Giang II theo các Hợp đồng tín dụng sau đây:

Hợp đồng tín dụng số 1: Hợp đồng tín dụng số 2512LAV202000795 ngày 30/06/2020 và các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo. Dư nợ gốc đến ngày 10/10/2024 là: 3.872.000.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 2: Hợp đồng tín dụng số 2512LAV202200635 ngày 27/05/2022 và các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo. Dư nợ gốc đến thời điểm ngày 10/10/2024: 4.931.827.200 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 10/10/2024 là: 9.579.804.042 đồng (*Chín tỷ, năm trăm bảy mươi chín triệu, tám trăm linh bốn nghìn, không trăm bốn mươi hai đồng*). Trong đó: Nợ gốc là: 8.803.827.200 đồng; nợ lãi là: 775.976.842 đồng.

Lịch trình thanh toán, như sau:

Ngày 31/12/2024 Công ty TNHH T1 sẽ trả cho ngân hàng 700.000.000 đồng.

Từ ngày 25/3 hàng tháng năm 2025 đến khi trả xong khoản nợ thì Công ty TNHH T1 phải trả cho Ngân hàng A Chi nhánh Thành phố B mỗi tháng là 400.000.000 đồng/ tháng. Cụ thể:

Stt	Ngày trả nợ	Số tiền trả	Ghi chú
1	Ngày 25/03/2025	400.000.000 đồng	
2	Ngày 25/04/2025	400.000.000 đồng	
3	Ngày 25/05/2025	400.000.000 đồng	
4	Ngày 25/06/2025	400.000.000 đồng	
5	Ngày 25/07/2025	400.000.000 đồng	
6	Ngày 25/08/2025	400.000.000 đồng	
7	Ngày 25/09/2025	400.000.000 đồng	
8	Ngày 25/10/2025	400.000.000 đồng	
9	Ngày 25/11/2025	400.000.000 đồng	
10	Ngày 25/12/2025	400.000.000 đồng	
11	Ngày 25/01/2026	400.000.000 đồng	

12	Ngày 25/02/2026	400.000.000 đồng	
13	Ngày 25/03/2026	400.000.000 đồng	
14	Ngày 25/04/2026	400.000.000 đồng	
15	Ngày 25/5/2026	400.000.000 đồng	
16	Ngày 25/6/2026	400.000.000 đồng	
17	Ngày 25/7/2026	400.000.000 đồng	
18	Ngày 25/8/2026	400.000.000 đồng	
18	Ngày 25/9/2026	400.000.000 đồng	
19	Ngày 25/10/2026	400.000.000 đồng	
20	Ngày 25/11/2026	400.000.000 đồng	
21	Ngày 25/12/2026	Tất toán số tiền còn lại cả gốc và lãi phát sinh.	

1.2. Trường hợp đến hạn trả nợ mà Công ty TNHH T1 vi phạm một trong những thời hạn trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ các khoản nợ (bao gồm nợ gốc và lãi) cho ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 2512LAV202000795 ngày 30/06/2020 và các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo và Hợp đồng tín dụng số 2512LAV202200635 ngày 27/05/2022 và các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo.

* **Tài sản bảo đảm:** Chi tiết các tài sản bảo đảm thế chấp bao gồm:

Stt	Tên xe	Số khung/số máy	Biển kiểm soát
1	Ô tô đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL	3HSDJAPR7FN709606/79767847	98C - 221.63
2	Ô tô đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL	APR3FN709604/79767849	98C - 222.02
3	Ô tô đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL	APR5FN719325/79774808	98C - 222.83
4	Ô tô đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL	APR2FN739130/79794345	98C - 223.35
5	Ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CNHTC	LSD6ED860123/140307039117	98C - 055.61
6	Ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CNHTC	LSD8ED860124/140307046487	98C - 054.72
7	Ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CNHTC	LSDXED860125/140307046417	98C - 054.80

8	Rơ moóc nhãn hiệu CIMC	3387E1014961	98R - 004.28
9	Rơ moóc nhãn hiệu CIMC	3388E1015164	98R - 005.68
10	Ô tô con nhãn hiệu CHEVROLET	7684HB095948/163510579	30E - 733.12
11	Đầu kéo nhãn hiệu CAMC	LZ5R4DD32EB004703/WP12420 E321414B007131	98C - 052.28
12	Rơ moóc nhãn hiệu CIMC	3388E1011456	98R - 001.83
13	Đầu kéo nhãn hiệu CAMAC	DD38EB008089/21414C026745	98C -164.94
14	Đầu kéo nhãn hiệu CAMAC	DD38EB008088/21414C034798	98C - 164.90
15	Rơ moóc nhãn hiệu CIMC	3384J9PT9280	98R - 013.23
16	Máy đào bánh xích nhãn hiệu KOMATSU	KMTPC192A55K50191/6D125- 564333	98XA - 0309
17	Rơ moóc nhãn hiệu XINHONGDONG	0JC2K1LHD068	98R - 014.64
18	Rơ moóc nhãn hiệu XINHONGDONG	0JC7K4LHD066	98R - 014.18
19	Đầu kéo nhãn hiệu CAMAC	LZ5R4DD35EB011919/ WP12380E321414G051607	98C - 191.54
20	Rơ moóc nhãn hiệu CIMC	3389E1013519	98R - 014.72
21	Ô tô nhãn hiệu AUDI	WAUZZZ4H4FN019516/CRE015 558	30G - 422.36

Theo các hợp đồng thế chấp tài sản gồm: Hợp đồng thế chấp tài sản số 2020629/HĐTC ngày 29/06/2020 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo ; Hợp đồng thế chấp tài sản số 2017336TT/HĐTC ngày 09/11/2017 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo ; Hợp đồng thế chấp tài sản số 2017341TT/HĐTC ngày 15/11/2017 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo; Hợp đồng thế chấp tài sản số 2017358TT/HĐTC ngày 22/11/2017 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo ; Hợp đồng thế chấp tài sản số 2017361TT/HĐTC ngày 27/11/2017 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo ; Hợp đồng thế chấp tài sản số 2018057TT/HĐTC ngày 01/02/2018 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo ; Hợp đồng thế chấp tài sản số 2018309TT/HĐTC ngày 21/12/2018 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo ; Hợp đồng thế chấp tài sản số 2019027TT/HĐTC ngày 25/02/2019 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo' Hợp đồng thế chấp tài sản số 2019079/HĐTC ngày 09/04/2019 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo ; Hợp đồng thế chấp tài sản số 2019130/HĐTC ngày 19/07/2019 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo ; Hợp đồng thế chấp tài sản số 202005/HĐTC ngày 08/01/2020 và

Hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo ; Hợp đồng thế chấp tài sản số 111/HĐTC ngày 24/06/2022 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Kể từ ngày 10/10/2024, Công ty TNHH T1 phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về chi phí đối thoại tại Tòa án: Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố B chịu toàn bộ số tiền chi phí đối thoại là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP Bắc Giang;
- CCTHA TP Bắc Giang;
- Các bên tham gia hòa giải;
- Lưu hồ sơ, Vp.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trần Kiên

Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố B thỏa thuận với Công ty TNHH L trả nợ A Chi nhánh thành phố B tính đến ngày 06/8/2024, theo Hợp đồng tín dụng số 2512LAV202000900 ngày 17/07/2020; Hợp đồng tín dụng số 2512LAV202001157 ngày 10/09/2020; Hợp đồng tín dụng số 2512LAV202300338 ngày 31/03/2023 và các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo, số tiền cụ thể là:

Số tiền nợ gốc là 8.575.000.000 đồng

Số tiền nợ lãi là 751.284.092 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 9.326.284.092 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ ba trăm hai sáu triệu hai trăm tám tư nghìn không trăm chín hai đồng) Thời gia trả như sau:

Ngày 15/9/2024 Công ty TNHH L trả Ngân hàng 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng)

Ngày 15/10/2024 Công ty TNHH L trả Ngân hàng 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng)

Ngày 15/11/2024 Công ty TNHH L trả Ngân hàng 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng)

Ngày 15/12/2024 Công ty TNHH L trả Ngân hàng 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng)

Ngày 15/3/2025 Công ty TNHH L trả Ngân hàng 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng)

Ngày 15/4/2025 Công ty TNHH L trả Ngân hàng 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng)

Ngày 15/5/2025 Công ty TNHH L trả Ngân hàng 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng)

Ngày 15/6/2025 Công ty TNHH L trả Ngân hàng 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng)

Ngày 15/7/2025 Công ty TNHH L trả Ngân hàng 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng)

Ngày 15/8/2025 Công ty TNHH L trả Ngân hàng 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng)

Ngày 15/9/2025 Công ty TNHH L trả Ngân hàng 1.326.284.092 đồng. đồng (Một tỷ ba trăm hai mươi sáu triệu hai trăm tám tư nghìn không trăm chín hai đồng)

Kể từ ngày 07/8/2024, Công ty TNHH L còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp các bên không thực hiện đúng cam kết đã thỏa thuận trả nợ trên, nếu bên có nghĩa vụ trả nợ vi phạm một trong các lần thanh toán trả nợ, thì ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý việc thi hành án theo quy định chung đối với toàn bộ vụ án.

Tài sản bảo đảm là:

Stt	Tên xe	Số khung/số máy	Biển kiểm soát
1	Đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL	APR7FN668989/79761039	98C-225.69
2	Đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL	APR8FN668886/79761440	98C-225.90
3	Đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL	APR9FN512534/79721337	98C-225.32
4	Đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL	APR2FN719332/79775182	98C-224.85
5	Đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL	APR0FN512938/79723098	98C-224.69
6	Đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL	APR4FN669016/60823626	98C-224.26
7	Đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL	APR6FN537357/79723810	98C-224.35
8	Rơ móc nhãn hiệu CIMC	4382LK0W0284	98R-017.30
9	Đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL	APR8FN618781/79741818	98H-000.54
10	Rơ móc nhãn hiệu SHENGDE	013XE1ATX025	98R-011.77
11	Đầu kéo nhãn hiệu CAMAC	DD38EB012840/21414S061483	98C-147.41

12	Ô tô tải tự đồ nhãn hiệu HONGYAN	1R69AD200624/1CB052001503	98C-024.33
13	Ô tô tải tự đồ nhãn hiệu HONGYAN	R65AD200622/ B052001500	98C-024.85
14	Ô tô tải tự đồ nhãn hiệu HONGYAN	R67AD200623/ B052001501	98C-024.56
15	Rơ moóc nhãn hiệu YUNLI	80M8HGLYL140	98R-011.73

Theo các hợp đồng thế chấp tài sản gồm:

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số: 202015/HĐTC ngày 16/07/2020 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số: 202016/HĐTC ngày 16/07/2020 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số: 2017331TT/HĐTC ngày 07/11/2017 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số: 2018131TT/HĐTC ngày 16/4/2018 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số: 202097/HĐTC ngày 08/09/2020 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo.

Về chi phí đối thoại tại Tòa án các bên thỏa thuận A - Chi nhánh thành phố Bắc Giang Bắc Giang II chịu toàn bộ số tiền chi phí đối thoại là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)